CTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ---------- Số: 104/2018/ QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *G, ngày 06 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 132/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức N, sinh năm 1988.

Trú tại: SN 22, Do Nha 1, tổ Hải Triều 4, phường Quán T, quận Hồng B, thành phố H.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Vân Anh, sinh năm 1992.

Trú tại: Đường 1A, xã Gia T, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 357 Bộ luật Dân sự .

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Đức N và chị Phạm Thị Vân A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Vân A và anh Vũ Đức N đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Vũ Như N, sinh ngày 01/7/2017 hiện đang ở với chị Phạm Thị Vân A. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Vũ Như N cho Phạm Thị Vân A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Vũ Đức N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Vũ Như N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật này.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Anh Vũ Đức N và chị Phạm Thị Vân A đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy vấn đề tài sản chung, công nợ chung Toà án không xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Vũ Đức N nhận nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyên đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2013/0001134 ngày 14/11/2018.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Gia T;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q